

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TrMNHL ngày /8/2023)

Trường Mầm non Him Lam được thành lập theo Quyết định số: 06/QĐ- UBND ngày 07 tháng 01 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên). Qua 28 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực cho đất nước và địa phương.

Trong giai đoạn đẩy mạnh Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước và Hội nhập quốc tế, nguồn lực con người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục ngày càng có vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng một thể hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vì vậy đòi hỏi giáo dục phải có chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Điện Biên Phủ nói chung, phường Him Lam nói riêng.

Sự nghiệp giáo dục của trường mầm non Him Lam trong những năm qua có bước phát triển khá mạnh mẽ cả về quy mô số lượng và chất lượng học sinh

Năm học 2023 - 2024 trường có tổng số 11 nhóm/lớp với 310 học sinh, trong đó:

+ Nhà trẻ: 02 nhóm với 43 trẻ; + Mẫu giáo: 09 lớp với 267 trẻ;

Trường có 29 CBGV, NV trong đó: Ban giám hiệu: 03; giáo viên: 24; nhân viên: 03; 100% giáo viên của nhà trường có trình độ đào tạo trên chuẩn, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp 86,9% trong đó giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 06/24 đạt 25%; cấp thành phố 08/24 đạt 33,3%; cấp trường 08/24 đạt 33,3%.

Các thành tích nhà trường được công nhận: Trên 28 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 1995-2023 liên tục đạt tập thể lao động xuất sắc; Năm 2015 - 2016 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Năm học 2018 - 2019 trường được UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc; Năm học 2020 - 2021 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (lần 2), được UBND thành phố tặng giấy khen. Từ năm 2016 - 2018; năm học 2019 - 2020; 2021-2022 trường được UBND Tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen; đặc biệt năm học 2022 - 2023 trường vinh dự được Thủ Tướng chính phủ tặng Bằng khen.

*** Thuận lợi:**

Nhà trường nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, chính quyền địa phương tạo điều kiện để trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể trên địa bàn, đặc biệt là sự quan tâm đồng thuận từ phía cha mẹ học sinh, Ban đại diện phụ huynh học sinh.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên có năng lực phẩm chất tốt, luôn duy trì tốt khối đoàn kết, thống nhất, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, yên tâm công tác, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm cao, không ngừng học tập để nâng cao trình độ, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đã được quan tâm đầu tư đáp ứng công tác Giáo dục của nhà trường.

*** Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi trên trường còn có những khó khăn như khuôn viên trường chật hẹp ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục của nhà trường. Phòng học, phòng chức năng chưa đáp ứng với các tiêu chí chuẩn.

Một số ít giáo viên trẻ còn lúng túng chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học hiện đại vào khai thác phát triển năng lực trên trẻ.

Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm, chia sẻ với tình hình thực tế của nhà trường, nên công tác phối kết hợp trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục còn hạn chế.

*** Kết quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ năm học 2022-2023**

Tổng số học sinh: 351 trẻ

Trong đó: Học sinh mẫu giáo 298 trẻ; Học sinh nhà trẻ: 53 trẻ;

+ Tỷ lệ huy động học sinh trên địa bàn phụ trách đạt 87,9% so với kế hoạch Phòng giao tăng 6,7%;

+ Trẻ từ 03 - 36 tháng đạt 52,7% vượt chỉ tiêu 1,7%;

+ Trẻ từ 3 - 5 tuổi huy động đạt 100%; trẻ 5 tuổi huy động đạt 100%;

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng:

100% trẻ tại các nhóm lớp đều được đảm bảo tuyệt đối điều kiện an toàn.

100% trẻ ăn ngủ tại trường được cân đo theo dõi theo biểu đồ tăng trưởng;

100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học;

Cân nặng BT: 346/351 đạt 98,5%, SDD thể nhẹ 3/351 trẻ chiếm 0,85%, thừa cân (nguy cơ) 2/351 trẻ chiếm 0,56%;

Chiều cao BT 349/351 trẻ đạt 99,4%, SDD thể TC 2/351 trẻ chiếm 0,56%.

Chất lượng giáo dục:

+ Bé đi học chuyên cần 343/351 đạt 97,7%

+ Bé ngoan đạt 100%

+ Bé sạch đạt 100%.

Trẻ đạt mục tiêu phát triển đề ra theo độ tuổi là: 344/351 đạt 98%; số cháu chưa đạt là 7/351 chiếm 1,9%.

*** Tâm nhìn**

Trường mầm non Him Lam xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia về chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hướng trẻ đến một nền giáo dục toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất, năng lực cần thiết để tự nhận thức, chủ động thích nghi và thành công trong bối cảnh thế giới luôn biến động và xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

*** Sức mệnh**

Sức mệnh của mầm non Him Lam xây dựng môi trường học tập an toàn, hạnh phúc, nề nếp, kỷ cương, chất lượng. Học sinh được: “Học tập sáng tạo - Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển kiến thức, năng lực, phẩm chất đạo đức thích ứng với sự phát triển của xã hội.

*** Giá trị cốt lõi**

Trẻ phát huy tính tự lập và tự học. Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân. Trẻ hình thành tính tự kỷ luật cho bản thân. Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh. Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công. Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn, có nhu cầu thực hiện phát triển CTGD nhà trường; các yếu tố về dân cư, giao thông, đối tác phù hợp, thuận lợi cho phát triển sự nghiệp giáo dục của Nhà trường.

*** Phương châm hành động**

Chất lượng giáo dục ngày càng cao là uy tín, danh dự và thương hiệu của nhà trường.

Từ những thực tế nêu trên trường mầm non Him Lam xây dựng Chương trình giáo dục năm học 2023 - 2024 như sau:

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC MẦM NON

Giúp trẻ em phát triển hài hòa về các mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị toàn diện cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông chương trình giáo dục phổ thông 2018; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

1. Trẻ 36 tháng tuổi

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ 24-36 tháng tuổi phát triển hài hòa về mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội.

a) Giáo dục phát triển thể chất:

- Cân nặng trẻ trai 11,3 - 18,3kg; trẻ gái 10,8-18,1kg;
- Chiều cao trẻ trai 88,7 - 103,5cm; trẻ gái 87,4 - 102,7cm;
- Tung- bắt được bóng với người khác ở khoảng cách 1 mét
- Ném vào đích ngang xa 1-1,2 m
- Làm được một số việc tự phục vụ đơn giản (tự xúc ăn, uống nước, cài cúc áo)

b) Giáo dục phát triển nhận thức:

- Nói được tên một số bộ phận cơ thể, đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc
- Chỉ/ lấy /gọi tên đồ vật có màu đỏ, vàng, xanh khi yêu cầu
- Chỉ/lấy/cắt đồ vật có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu

c) Giáo dục phát triển ngôn ngữ:

- Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản
- Trả lời câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì?
- Đọc được bài thơ ngắn. Hát được bài hát ngắn đơn giản

d) Giáo dục phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội:

- Chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ...khi được nhắc nhở
- Bắt chước một số hành vi xã hội đơn giản (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại)
- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh, nghe hát, hát, vận động theo

nhạc.

2. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi

Chương trình giáo dục nhằm giúp trẻ từ 3-4 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Giáo dục phát triển thể chất

- Trẻ mạnh khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: Cân nặng của trẻ trai: 12,7 - 21,2kg; trẻ gái: 12,3 - 21,5kg;
- Chiều cao của trẻ trai: 94,9 - 111,7cm; trẻ gái: 94,1 - 111,3cm.

- Đi đúng tư thế (chân bước đều, phối hợp tay chân nhịp nhàng, người ngay ngắn đầu không cúi)

- Tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 2,5m)
- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m
- Cắt được theo đường thẳng (10cm)
- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ
- Nói tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh: thịt, cá, rau, quả...

- Thực hiện một số việc đơn giản: rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo...với sự giúp đỡ

- Sử dụng bát, cốc thìa đúng cách
- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu

b) Giáo dục phát triển nhận thức

- Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật
- Đếm trên các đối tượng đến 5
- So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

- Nhận dạng và gọi tên các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật
- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói các từ: to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn

- NB được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc
- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng khi quan sát với sự giúp đỡ
- **Sử dụng các từ chỉ màu sắc (xanh, đỏ, vàng) bằng tiếng Anh, gọi tên một số con vật bằng tiếng Anh**

c) Giáo dục phát triển ngôn ngữ

- Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được
- Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại (Cái gì? Ở đâu? Làm gì?)
- Kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn
- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh
- **Biết giới thiệu tên mình bằng tiếng Anh khi được hỏi**

d) Giáo dục phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội

- Nói được tên tuổi giới tính của bản thân, tên của bố mẹ
- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép khi được nhắc nhở
- Cùng chơi với các bạn
- Thực hiện một số quy định (cắt xếp ĐD, ĐC, không tranh giành đồ chơi)
- Bỏ rác đúng nơi quy định

e) Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Hát theo giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc
- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động minh họa)
- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang
- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản
- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra SP đơn giản, có sự gợi ý.

3. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi

Chương trình giáo dục nhằm giúp trẻ từ 4 - 5 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

a) Giáo dục phát triển thể chất

- Trẻ mạnh khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: Cân nặng của trẻ trai: 14,1 - 24,2kg; trẻ gái: 13,7 - 24,9kg. Chiều cao của trẻ trai: 100,7 - 119,2cm; trẻ gái: 99,9 - 118,9cm.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo
- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục.
- Tung - bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 3m).
- Ném trúng đích ngang (xa 2m).
- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.
- Cắt được theo đường thẳng.
- Xếp, chồng được 10-12 khối .
- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
- Nói được tên một số món ăn hằng ngày (rau luộc, rau xào, thịt kho, cá rán, canh, cơm...).
- Tự cầm bát, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi.
- Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu, không uống nước lã.
- Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng.
- Biết gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp; bị đau, chảy máu, cháy, ngã, bị lạc.

- Nhận biết và phòng tránh những vật/hành động nguy hiểm, nơi không an toàn (bàn là đang dùng, bếp đang nấu, vật sắc nhọn; leo trèo bàn ghế; bể chứa nước, giếng, cống...).

b) Giáo dục phát triển nhận thức

- Biết tìm hiểu nguyên nhân xảy ra của các sự vật, hiện tượng đơn giản xung quanh, biết đặt câu hỏi: Tại sao cây lại héo? lá bị ướt..
- Nhận biết và gọi tên 4 màu.
- Phân loại đối tượng theo một - hai dấu hiệu.
- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.
- Nhận biết số lượng và số thứ tự từ 1 - 5.
- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả gần gũi.

- Biết vị trí của đồ vật so với bản thân.
- **Trẻ biết sử dụng tiếng Anh để đếm các đối tượng từ 1-10, nói số tuổi, đọc số điện thoại bố mẹ, số nhà**

c) Giáo dục phát triển ngôn ngữ

- Thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
- Biết lắng nghe kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.
- Biết kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.
- Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem, “Đọc” (“đọc vẹt”).
- Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm
- **Trẻ biết sử dụng 1 vài tiếng Anh đơn giản để chào hỏi, giới thiệu bản thân**

d) Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
- Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn.
- Biết chú ý lắng nghe khi cần thiết.
- Thể hiện sự quan tâm với người thân và bạn bè.
- Thực hiện một số quy định (cất đồ chơi, trực nhật, giờ ngủ không làm ồn, bỏ rác đúng quy định, không để tràn nước khi rửa tay).

e) Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Hát đúng giai điệu, bài hát quen thuộc; thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát.
- Có một số kỹ năng tạo hình đơn giản: vẽ các nét thẳng, xiên, ngang... tô màu, xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... tạo thành sản phẩm đơn giản.
- Biết sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm (vẽ, nặn, xé dán...).
- Nói được ý tưởng sản phẩm tạo hình của bản thân.

4. Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

Chương trình giáo dục nhằm giúp trẻ từ 5 - 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

a) Giáo dục phát triển thể chất

- Trẻ mạnh khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: Cân nặng của trẻ trai: 15,9 - 27,1kg; trẻ gái: 15,3 - 27,8kg. Chiều cao của trẻ trai: 106,1 - 125,8cm; trẻ gái: 104,9 - 125,4cm.
- Chạy nhanh, chậm, đổi hướng theo hiệu lệnh
- Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m)
- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây
- Cắt được theo đường viền của tranh/hình vẽ

- Sao chép một số chữ cái, chữ số
- Tự cài quai dép, buộc dây giày
- Biết ăn nhiều loại thức ăn để khỏe mạnh, đủ chất dinh dưỡng
- Không ăn các thức ăn có mùi ôi thiu, không uống nước lã
- Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng
- Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (bị đau, chảy máu, sốt, bị lạc...)

- Biết phòng tránh những vật/hành động nguy hiểm, không an toàn (leo trèo cây, ban công, tường rào: bàn là đang dùng, bếp đang nấu, vật nhọn sắc; bể chứa nước, ao hồ, mương, cống...; người lạ)

b) Giáo dục phát triển nhận thức

- Hiểu các nguyên nhân hiện tượng đơn giản xung quanh, đặt câu hỏi: tại sao (có mưa, có sấm...), đưa các phán đoán, suy luận, giải thích
- Phân loại nhóm đối tượng theo những đặc điểm/dấu hiệu chung
- Đếm đối tượng trong phạm vi 10, đếm theo khả năng. NB các số từ 1-10
- Biết (nói được) vị trí của vật so với vật làm chuẩn
- Biết sử dụng các từ chỉ thời gian; hôm nay, ngày mai, hôm qua, sáng, trưa, chiều, tối, biết gọi tên các thứ trong tuần
- Biết sắp xếp ác đối tượng theo quy tắc nhất định
- NB một số đặc điểm và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc
- **Biết sử dụng các từ chỉ thời gian bằng tiếng Anh; sáng, trưa, chiều, tối, biết gọi tên các thứ trong tuần,**
- **Biết đếm theo thứ tự từ 1-10 và ngược lại bằng ngoại ngữ tiếng Anh**

c) Giáo dục phát triển ngôn ngữ

- Biết kể chuyện theo tranh, kể lại chuyện xảy ra với bản thân
- Biết kể chuyện có thay đổi một vài tình tiết (nhân vật, thêm hoặc bớt sự kiện trong chuyện...)
- Biết cách (đọc sách) từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách
- Nhận ra chữ cái quen thuộc, kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, một số biển báo giao thông
- **Nghe hiểu và trả lời được một số câu hỏi đơn giản bằng tiếng Anh**

d) Giáo dục phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội

- Có một số phẩm chất cá tính: mạnh dạn, tự tin, tự lúc; Có một số hành vi văn hóa trong sinh hoạt như: nói cảm ơn, xin lỗi, chào lễ phép, chờ đến lượt, kiểm chế khi cần thiết; chú ý khi nghe cô, bạn nói; không ngắt lời người khác
- Bước đầu biết chia sẻ cảm xúc; biết an ủi, chia vui, thể hiện sự quan tâm với người thân, bạn bè

- Biết xử lý một số tình huống; lắng nghe ý kiến, trao đổi thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm

- Thực hiện một số quy định: vệ sinh cá nhân, trực nhật bỏ rác đúng nơi quy định, không làm ồn...; không để tràn nước khi rửa tay.

e) Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc; thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát

- Hát được bài hát đơn giản bằng tiếng Anh

- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, xé dán, xếp, ghép hình...tạo thành sản phẩm có màu sắc, bố cục

- Sử dụng một số nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm

- Nhận xét một số sản phẩm tạo hình (màu sắc, bố cục, hình dáng...)

- Nói được ý tưởng của sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm tạo hình của bản thân.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GDMN

Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ làm căn cứ cho việc quản lý, chỉ đạo và tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm đảm bảo chất lượng cho cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục MN.

Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, có kế thừa những ưu việt của chương trình chăm sóc giáo dục trước đây, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.

Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các đối tượng nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, đặc biệt chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “chơi mà học, học mà chơi”

Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với mọi trẻ mầm non, đồng thời trao quyền chủ động cho địa phương cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non.

III. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GDMN VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

1. Yêu cầu về nội dung giáo dục

Bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ; chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập cuộc sống.

Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lí của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ khám phá hiểu biết rộng hơn thông qua các hoạt động trải nghiệm, biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với mọi người xung quanh, có tính tự lập, tự tin, mạnh dạn và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đến trường hứng thú với việc học tập, vui chơi và cảm thấy "Mỗi ngày đến trường là một ngày vui".

Nhà trường tiếp tục khuyến khích CBQL, GV tham khảo và ứng dụng trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trường mô hình STEAM từ đó giáo viên có thêm nhiều lựa chọn trong việc xây dựng môi trường hoạt động giáo dục STEAM, thiết kế môi trường để thoát động STEAM, tổ chức thực hiện STEAM phù hợp các hoạt động giáo dục trẻ hằng ngày.

Trẻ từ 3-5 tuổi khỏi mẫu giáo tiếp tục được làm quen ngoại ngữ tiếng Anh;

Tiếp tục nâng cao việc ứng dụng CNTT và tiếp cận chuyển đổi số vào chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, bảo đảm phù hợp với bối cảnh địa phương: Xây dựng các bài tuyên truyền nuôi dạy con theo khoa học, đảm bảo các chế độ dinh dưỡng hợp lý, bảo vệ sức khỏe trẻ thông qua việc phòng, chống các bệnh định theo mùa... Phối hợp giữa phụ huynh giáo viên duy trì các hoạt động kết nối qua kênh Zalo nhóm/lớp để chia sẻ, tư vấn việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Thực hiện lồng ghép tích hợp vào chương trình chăm sóc giáo dục trẻ, qua các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ thông qua các ngày lễ, hội trong năm học... các nội dung giáo dục về Giới, bình đẳng giới; giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, an toàn; kỹ năng phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; rủi ro thiên tai; bảo vệ môi trường; an toàn giao thông; kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ.

2. Yêu cầu về phương pháp giáo dục mầm non

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để

lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm, sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

Đối với mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng độ tuổi để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

3. Yêu cầu về đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế của nhà trường. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non có sứ mệnh hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ MN; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non như: hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lễ làm việc trong nhà trường. Thực hiện công khai kế hoạch làm việc, công khai tài chính, công khai chất lượng chuyên môn của giáo viên. Các kế hoạch trong năm học được nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ kịp thời, chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm theo quy định 100% Cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ được đào tạo đạt chuẩn trở lên

100% giáo viên được xếp loại Khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;
100% cán bộ quản lý xếp loại Khá, Tốt theo Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non;

100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục mầm non của nhà trường.

Nhân viên có trình độ chuyên môn đảm bảo theo quy định, được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ theo khung vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường năng động, sáng tạo, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần phấn đấu vươn lên khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

3. Cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường rào bao quanh, sân chơi được lát gạch đảm bảo yêu cầu vui chơi của trẻ, diện tích sân chơi **612m²/292 học sinh đạt 2,09 m²/trẻ; nhà** trường có tổng số 26 phòng kiên cố. Đồ dùng đồ chơi bảo đảm theo Thông tư 02 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non; Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Thông tư Số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục mầm non. Đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu thường xuyên được kiểm tra, vệ sinh định kỳ, sửa chữa, thay thế kịp thời khi có hiện tượng hư hỏng; Đảm bảo công trình vệ sinh, nước sạch để trẻ rửa tay với xà phòng phù hợp với điều kiện thực tế. Môi trường học tập, vui chơi của trẻ xanh - an toàn - thân thiện, có bồn hoa, cây xanh, cây cảnh và được nhà trường thường xuyên cắt tỉa chăm sóc.

Bên cạnh đó nhà trường chỉ đạo các lớp làm tốt công tác tuyên truyền vận động các bậc cha mẹ trẻ sưu tầm, hỗ trợ các nguyên vật liệu, phế liệu, tranh ảnh, báo cũ...Đồng thời trong năm học nhà trường tổ chức cho giáo viên các lớp thi làm đồ dùng đồ chơi tự tạo, hỗ trợ thêm cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

Chỉ đạo giáo viên khối mẫu giáo làm tốt công tác phối hợp cùng với giáo viên dạy ngoại ngữ tiếng Anh trang trí tạo môi trường lớp học các hình ảnh, đồ chơi có gắn bằng tiếng Anh.

4. Xã hội hóa giáo dục

Quán triệt quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; Bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình, thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non.

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các chính sách khuyến khích tổ chức cá nhân đầu tư phát triển GDMN theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển GDĐT giai đoạn 2019-2025

Làm tốt công tác tuyên truyền với cha mẹ trẻ và cộng đồng có trách nhiệm phối hợp với nhà trường bảo đảm các điều kiện thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THEO CÁC ĐỘ TUỔI

I. NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục, chủ đề thực hiện

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Phát triển vận động		
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: + Hít vào thật sâu, thở ra từ từ - Cơ tay và bả vai: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa ra phía trước, đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau + Đưa 2 tay ra sau kết hợp lắc tay. - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái. + Quay người sang 2 bên phải, trái. + Ngửa người ra phía sau + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên.

		- Chân: + Đứng nhún chân + Ngồi xuống, đứng lên + Bật tại chỗ + Co duỗi từng chân
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	- Tập đi và chạy + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Chạy theo hướng thẳng, chạy đổi hướng + Đứng co 1 chân + Đi bước qua gậy kê cao (cao 5cm, dài 1,2-1,5m) + Đi theo đường ngoằn ngoèo (dịch dắc) + Đi bước vào các ô, bước qua vật cản + Đi kết hợp với chạy
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt.	- Tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1 m - Ném vào đích xa 1-1,2m
4	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Tập tung, ném, bắt + Tung - bắt bóng cùng cô + Tung bóng bằng 2 tay + Tung bóng qua dây + Ném bóng vào đích (xa 1 - 1,2 m) + Ném bóng trúng đích (70- 100cm) + Đá bóng về phía trước
5	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Tập bò, trườn + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò trong đường hẹp, mang vật trên lưng + Bò chui qua cổng, trườn chui qua cổng + Bò qua vật cản, trườn qua vật cản + Bò theo đường ngoằn ngoèo (dịch dắc) + Trườn chui qua cổng + Trườn qua vật cản

6	- Trẻ biết phối hợp tay, chân trong vận động bật	- Bật tại chỗ + Bật xa bằng 2 chân (khoảng cách 15cm) - Bật qua vạch kẻ (bật qua các vòng)
7	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện " múa khéo.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, cuộn cổ tay, vẫy cánh tay, nắm mở các ngón tay... khuấy, đảo, vò xé giấy... - Nhón nhặt đồ - Lật mở trang sách
8	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động.	- Đóng cọc bàn gỗ - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây (khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...) - Rót, nhào nặn... - Tập cầm bút tô, vẽ - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối
<i>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>		
9	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau (xào, rim, om...) GD trẻ ăn uống đủ chất, tập làm quen với các món ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống; Ăn chín, uống sôi; ăn không rơi vãi, ăn hết suất, tập tự xúc ăn....
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
11	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định, nhận biết được nhà vệ sinh dành cho bạn nam và nhà vệ sinh dành cho bạn nữ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh
12	- Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, đeo khẩu trang, sát khuẩn khi có dịch bệnh, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định.

		- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt
13	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Tự phục vụ: mặc quần áo giữ ấm cho cơ thể, xúc cơm, uống nước; đội mũ khi ra nắng, đi dép, đi vệ sinh, đeo khẩu trang khi có dịch bệnh, cởi quần áo khi bị bỏng ướt; mặc quần áo, chuẩn bị chỗ ngủ
14	- Trẻ biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, bể cá, cơm canh và thức ăn nóng...)
15	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động gây nguy hiểm và phòng tránh: (Không leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, chạy nhảy...) khi được nhắc nhở.

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a. Luyện tập và phối hợp các giác quan

16	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, quả, hoa để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn, nắn, nhìn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn, nhẵn hay xù xì: Trò chơi đổ bé - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của con vật quen thuộc - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu: Đồ chơi gì biến mất, Con gì biến mất - Nếm vị của một số thức ăn, quả (phát hiện chua, mặn, ngọt), 1 số món ăn bé thích - Nhận biết nước sạch, nước bẩn - Nhận biết trang phục mùa hè, các mùa trong năm, đặc điểm rõ nét về khí hậu từng mùa và cách phòng tránh.
-----------	---	--

b. Nhận biết		
17	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người lớn gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Chơi bắt chước công việc của người lớn với các đồ vật quen thuộc (đồ dùng gia đình, dụng cụ làm việc...). Tập sử dụng một số đồ dùng theo công dụng của nó (bát, thìa, cốc, khăn...) Chuẩn bị mâm cơm, nấu cho em bé ăn - Nhận biết 1 số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc của bản thân và nhóm/lớp: Đồ dùng yêu thích của bé
18	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình: + Nhận biết tên mẹ và công việc của mẹ, tình cảm của mẹ với bé + Bé với những người thân trong gia đình + Tên, công việc của cô giáo, tên và 1 số công việc của các cô bác trong trường, tên các bạn cùng nhóm/ lớp: Bé cùng các bạn, đồ bé biết bé là trai hay là gái, chỉ đúng tên
19	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Gọi tên chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, miệng, mũi, tai, tay, chân - Nhận biết được sự khác biệt giữa trẻ nam và trẻ nữ: tóc dài- tóc ngắn, dép – dép có nơ, trắng- đen...
20	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc....	- Một số đồ vật, hoa, quả, con vậtquen thuộc: Các con vật thân yêu của bé, trò chơi cái gì biến mất, con gì biến mất - Một số hoa, quả, rau gần gũi: Con gì? Kêu như thế nào? - Một số đồ dùng quen thuộc: Quần,áo,mũ dép(sự khác biệt giữa trang phục, giày dép của trẻ nam và trẻ nữ),bát, cốc, thìa, đồ chơi ở lớp.... - Trò chuyện về ngày tết trung thu, ngày hội 20/11, ngày xuân- tết nguyên đán,bánh chưng, bánh dày... - Nhận biết con gà trống, gà mái - Trò chuyện về chú bộ đội - Một số loại cây, loại rau, hoa, quả...

21	- Trẻ gọi tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số PTGT gần gũi	- Một số phương tiện giao thông gần gũi (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, thuyền bè...) Trò chơi bắt chước
22	- Trẻ chỉ, nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / xanh / vàng theo yêu cầu, vị trí không gian so với bản thân trẻ, số lượng một - nhiều	- Nhận biết 1 số màu: Đồ chơi yêu thích của bé - Số lượng - Xác định vị trí trong không gian so với bản thân trẻ: Cất đồ chơi đúng chỗ
23	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ, hình tròn hình vuông theo yêu cầu	- Nhận biết kích thước, Nhận biết các hình: Cất đồ chơi đúng chỗ

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a. Nghe

24	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói; Cất đồ chơi đúng chỗ, Làm như cô nói, Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay; Cháu để bát vào rổ rồi đi lau miệng....
25	- Trả lời các câu hỏi: Ai đây?; Cái gì đây?; ...làm gì?;thế nào? Tại sao?; Để làm gì?	- Nghe và trả lời các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? Như thế nào?; Ở đâu VD: Con gà gáy thế nào?; Bé đang làm gì?...
26	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên nhân vật và hành động của các nhân vật	- Nghe hiểu các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn: thơ Cây bắp cải, Giờ ngủ, Em đi nhà trẻ; đồng dao Con trâu, dung dăng dung dẻ, nu na nu nống; truyện Lợn con sạch lắm rồi; quả trứng, quả thị, cây táo, Hoa mào gà...)

<i>b. Nói</i>		
27	- Trẻ phát âm rõ tiếng	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
28	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý của cô
29	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc	- Sử dụng được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc VD: Mẹ con đưa con đến lớp, bố con đi làm bằng xe máy...
30	- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu, hỏi về những vấn đề trẻ quan tâm	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài VD: Con thích chơi đồ chơi ô tô; cô ơi con nóng ... - Chào hỏi lễ phép, thích trò chuyện cùng cô và các bạn - Bày tỏ nhu cầu bằng các câu hỏi hoặc trả lời: Cái gì đây?; Con gì đây?; Làm gì?; Ở đâu?; Để làm gì?; Tại sao?...
31	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn VD: Con thưa cô, vâng ạ, Con xin cô, con chào mẹ.... thực hiện theo lời dạy của Bác.
<i>c. Làm quen với sách</i>		
32	- Trẻ biết thể hiện sự thích thú với sách, tranh ảnh	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
<i>a. Phát triển tình cảm</i>		
	- Trẻ biểu lộ sự thích	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ

33	giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	lời nói - Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo, người lớn - Thích giao tiếp với người xung quanh
34	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình, (tên tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (trò chơi Soi gương, trò chuyện với cô giáo với bạn bè) - Nhận biết được giới tính của bản thân và các bạn.
35	- Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình: (con thích chơi ô tô, con thích được mẹ cho đi siêu thị, con không thích trời mưa...)
36	- Trẻ nhận biết trạng thái cảm xúc vui buồn, sợ hãi	- Xem tranh, ảnh trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ của người khác
37	- Trẻ biểu lộ cảm xúc vui, buồn sợ hãi qua nét mặt cử chỉ	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận
38	- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi, bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi - Làm sách tranh về các con vật - Thân thiện với một số con vật quen thuộc gần gũi bắt chước tiếng kêu, tiếng gọi của con vật (vít vít vít!... cạp cạp cạp!...meo meo!...)

b. Phát triển kỹ năng xã hội

39	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, vâng ạ
40	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi, bắt chước công việc của người lớn: trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại, đi siêu thị...
	- Trẻ chơi thân thiện cạnh bạn khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào, cắn bạn.

41		
42	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào đúng nơi quy định
c. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ		
43	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ VD: Ru con, lý cây bông, lý cây xanh, hoa trong vườn, cò lả, cái cò đi đón cơn mưa, bàn tay mẹ;... - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc các bài trong chương trình VD: Cô và mẹ, quả bóng, mẹ yêu không nào, em bé bú bê, tập đi...
44	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, vẽ nguệch ngoạc, xé, vò giấy, xếp hình, xây hạt, luồn dây, nặn Xem tranh ảnh, băng đĩa ca nhạc thiếu nhi, một số ngày hội ngày lễ lớn trong năm ...

II. MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục, chủ đề thực hiện

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
* <i>Phát triển vận động</i>		
1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác phát triển hô hấp và các nhóm cơ, bài thể dục theo hướng dẫn, hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát	- Hô hấp: Hít vào, thở ra + Thổi nơ, thổi bóng bay, gà gáy sáng - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, dang ngang + Đưa 2 tay đưa sang ngang, đưa lên cao + Đưa 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, lên cao + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước, ra sau + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi người về phía trước + Đứng nghiêng người sang 2 bên phải, trái.

		+ Đứng quay người sang 2 bên phải, trái. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xuống, đứng lên; + Bật tách chụm chân tại chỗ; Bật lên trước, lùi lại, sang bên. + Co duỗi từng chân
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm
3	Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động	- Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường đích đặt - Chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt - Chạy liên tục trong đường đích đặt (3 - 4 điểm đích đặt) không chệch ra ngoài.
4	Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động	- Đập bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm) - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Lăn và bắt bóng với cô (khoảng cách 2,5m) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
5	Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong khi thực hiện bài tập tổng hợp	- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không chệch ra ngoài - Chạy được 15 mét liên tục theo hướng thẳng - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay (xa 1,5m) - Bò chui qua cổng, theo hướng thẳng - Trườn về phía trước - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt - Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)
6	Trẻ thực hiện được các vận động	- Xoay tròn cổ tay - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
7	Trẻ phối hợp cử động của bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động	- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Đan, tết, sử dụng kéo, bút - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xé, dán giấy - Tô vẽ nghệch ngoạc - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc áo
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		

8	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm, món ăn quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh	- Trẻ nhận biết 1 số thực phẩm và món ăn quen thuộc (cá, trứng, thịt, quả, rau...) - Biết 1 số thực phẩm tốt cho sức khỏe: Ăn nhiều rau xanh thẫm, quả vàng, quả đỏ có lợi cho mắt, cá, tôm có lợi cho răng, ăn nhiều rau xanh, hoa quả đẹp da...
9	Trẻ biết tên 1 số món ăn hàng ngày	- Trong giờ ăn giới thiệu cho trẻ những thức ăn trẻ được ăn, nhắc trẻ nhai kỹ, ăn uống gọn gàng. - Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Ăn uống đủ chất để cơ thể lớn lên và khỏe mạnh - Muốn khỏe mạnh cần ăn uống nhiều loại thức ăn khác nhau: Cơm, ngô, thịt, cá, trứng sữa, dầu, mỡ, rau quả...giúp con người không bị đói mệt “học giỏi” cơ thể khỏe mạnh “lớn nhanh” cao hơn, nặng hơn. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
11	Trẻ biết thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Tự phục vụ trong sinh hoạt: Tập rửa tay, làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng, rửa tay bằng nước sát khuẩn trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn, - Thực hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tháo tất, cởi quần, áo... khi được cô hướng dẫn, giúp đỡ
12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Tự lấy cốc uống nước, cất cốc, bát đúng nơi quy định, biết cầm bát, thìa, xúc cơm và thức ăn gọn gàng...
13	Trẻ có được một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	- Mời cô và các bạn trước khi ăn, không đùa nghịch làm rơi vãi đồ ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nước đã đun sôi...
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Biết lợi ích về việc giữ gìn vệ sinh thân thể - Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe (Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc quần áo, đi tất giữ ấm cơ thể, đi dép, giày khi đi học)

		- Biết nói với người lớn khi bị ho, sốt, đau bụng, đau đầu răng... - Biết cách phòng tránh khi có dịch bệnh theo mùa
15	Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, không an toàn đến tính mạng (bàn là, bình nước nóng, ổ điện ...) - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Tránh xa xoong canh, cơm còn nóng
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Biết những nơi như (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi) ... là những nơi nguy hiểm không được đến gần - Biết tránh xa những nơi dịch bệnh
17	Trẻ biết tránh 1 số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can.. - Không nghịch các vật sắc, nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp - Đeo khẩu trang khi ra ngoài đường

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

* Khám phá khoa học

18	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi; chăm chú quan sát các sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng	- Tìm hiểu về tên gọi và chức năng của các bộ phận giác quan trên cơ thể: Đây là gì? tại sao khi bị mất lại không nhìn được? - Tìm hiểu về tên gọi các đặc điểm, cách sử dụng, cách bảo vệ giữ gìn 1 số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông: Tiếng còi ô tô kêu như thế nào? Sao nó có màu đỏ?... - Tìm hiểu về tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm; đặc điểm dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm; <i>hiện tượng nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối...</i> ; một số nguồn nước trong sinh hoạt, ánh sáng, không khí ...quanh trẻ.
19	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng	- Sử dụng các giác quan trên cơ thể để nhận biết, tìm hiểu các đối tượng như: + Thị giác: quan sát nguồn nước, nước sạch - bẩn; sự vận động của bàn tay trong nước; + Xúc giác: lấy, cất, sử dụng đồ dùng đồ chơi; sờ cánh hoa dày hay mỏng, vỏ quả mít nhẵn hay sần sùi... + Khứu giác: ngửi hương thơm của hoa, quả... + Thính giác: nghe bản nhạc, bài hát, nhạc cụ...

		+ Vị giác: nếm vị của quả chín, xanh...
20	Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm, vật nổi - Làm thí nghiệm chất hòa tan và không hòa tan trong nước... - Làm đất gieo hạt
21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	- Thu thập các đối tượng qua xem sách, tranh ảnh VD: Con người, con vật, môi trường, cây, hoa, quả, PTGT - Xem vi deo, clip về sự phát triển của cây, hoa, quả, sự phát triển của các con vật, đẻ trứng, đẻ con..., - Gọi tên một số con vật bằng tiếng Anh - Trò chuyện để trẻ kể và giới thiệu về bản thân, gia đình (tên, nghề nghiệp, công việc thường làm, sở thích, nhu cầu) tên trường, lớp, cô giáo, bạn bè: đặc điểm, sở thích của mình, của bạn... - Trò chuyện với cô giáo, người lớn về sự vật hiện tượng thiên nhiên, con vật, cây, ngày lễ hội....mà trẻ biết
22	Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật	- So sánh cao - thấp, béo - gầy của bản thân trẻ với các bạn trong lớp, sự khác nhau về màu da, tay bẩn, tay sạch - So sánh sự giống và khác nhau của 2 loại đồ dùng, đồ chơi - So sánh, phân loại của các đối tượng con vật, cây, hoa, quả, PTGT (qua đặc điểm nổi bật) - Sự khác nhau một số dấu hiệu nổi bật giữa các mùa trong năm
23	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	- Nhận xét được mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống VD: vận động, thức ăn - Nhận biết, gọi tên được các loại thiên tai hay xảy ra ở địa phương - Nhận ra mối quan hệ hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ - Ích lợi của nước đối với con người, con vật, cây cối; - <i>Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi</i>
24	Trẻ mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng khi được quan sát với sự gợi mở của cô.	- Nói được chức năng và ích lợi của 1 số bộ phận trên cơ thể - Nói được đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng của 1 số PTGT quen thuộc - Nói được đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Nắm được một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi...
	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được	- Chơi đóng vai, chơi vận động, bắt chước các hành động của người lớn, <i>không phân biệt giới, giới tính (bố, mẹ bé</i>

25	qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	<i>con, bố, mẹ nấu ăn, đi chợ, bác sỹ nam, hay nữ đều có thể làm công việc khám chữa bệnh...</i>) chọn hoa, chọn quả, giả làm PTGT, ...) - Thích hát các bài hát về những người thân, cây, con vật, các hiện tượng tự nhiên... - Vẽ xé, dán, nặn con vật, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản
* Khám phá xã hội		
26	Trẻ nói được tên tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Giới thiệu tên, tuổi, <i>giới tính của bản thân</i>. - Xem ảnh, soi gương để nhận biết dáng vẻ, đặc điểm và các bộ phận bên ngoài của bản thân. - Chơi các trò chơi tìm hiểu về bản thân (so sánh chiều cao của mình với bạn, nhận biết chức năng các giác quan...)
27	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình	- Nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình - Biết địa chỉ nơi ở của gia đình, ở phố, xóm nào, số nhà bao nhiêu, số điện thoại của gia đình.... - Chọn các đồ dùng cần thiết phù hợp với nhu cầu của các thành viên.
28	Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo bạn bè, đồ dùng đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của ở trường. - Biết nói lời cảm ơn khi nhận quà - <i>Những thiên tai thường xảy ra ở địa phương.</i>
29	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Trò chuyện, gọi tên, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương. - <i>Không phân biệt công việc của nam hay của nữ</i> - Trò chuyện, thảo luận, xem tranh ảnh, đọc thơ, kể chuyện về một số nghề gần gũi. - Đọc thơ, kể chuyện, câu đố về các nghề gần gũi với trẻ (giáo viên, xây dựng, bác sỹ, sản xuất nông nghiệp...) - Chơi đóng vai, phân loại đồ dùng, dụng cụ một số nghề.
30	Trẻ kể tên một số lễ ngày hội, qua xem tranh ảnh, hoặc trò chuyện	- Kể tên được một số ngày lễ lớn trong năm: Ngày Quốc khánh 2/9, ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, ngày 19/5... - Thích được tham gia vào các ngày lễ, hội: Quốc khánh, khai giảng, trung thu...
31	Trẻ kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Trẻ biết được 1 vài danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương: Khu di tích đền kháng Him Lam, Đồi A1, bảo tàng chiến thắng, hầm đờ cát, đền Hoàng Công Chất, tượng đài chiến thắng, hồ Pa Khoang...

		- Xem tranh ảnh, băng hình về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương. - Cờ tổ quốc (cờ đỏ sao vàng) - Tham quan di tích lịch sử đồi Him Lam, quảng trường thành phố.
* Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán		
32	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm, đếm vẹt, biết sử dụng các ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng biểu thị số lượng bằng cách sử dụng các ngón tay. - Đếm đúng trên đồ vật giống nhau và đếm đến 5 (không lặp lại, không bỏ sót)
33	Trẻ so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- 1 và nhiều - Xếp tương ứng 1-1 - Tìm ghép đôi (đối tượng có mối liên quan) - So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, nói được từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau
34	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm (trong phạm vi 5) - Đếm số lượng của từng nhóm - Gộp 2 nhóm để thành nhóm mới - Đếm số lượng của nhóm mới tạo
35	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành các nhóm nhỏ. - Đếm số lượng nhóm ban đầu - Tách từ một nhóm lớn thành 2 nhóm nhỏ hơn - Đếm số lượng của từng nhóm vừa tách
36	Trẻ biết sử dụng các từ bằng tiếng Anh chỉ màu sắc	- Sử dụng các từ chỉ màu sắc (xanh, đỏ, vàng) bằng tiếng Anh
37	Trẻ nhận ra quy tắc xếp đơn giản (mẫu) sao chép lại	- Nhận ra quy tắc xếp đơn giản của 2 đối tượng - Xếp xen kẽ 2 đối tượng (AB-AB-AB) theo mẫu và sao chép lại
38	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước	- So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn - nhỏ hơn, dài hơn- ngắn hơn, cao hơn - thấp hơn, bằng nhau. - So sánh thấy được sự hơn kém về chiều cao, chiều dài và to, nhỏ của 2 đối tượng cụ thể thông qua việc đặt cạnh nhau, đặt kê nhau, đặt chồng lên nhau...

39	Trẻ nhận dạng và gọi đúng tên các hình học	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế (quyển sách, mặt bàn, viên phấn, ô cửa sổ, cái đĩa...) - Phân biệt các hình qua các dấu hiệu bề ngoài rõ nét. - Làm quen ngôn ngữ hình dạng thông qua các hoạt động chơi và nghe người lớn sử dụng các từ ngữ đó một cách thích hợp. - Sử dụng hình học để lắp ghép hình mới theo ý thích
40	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải – tay trái của bản thân. - Định hướng vị trí không gian so với bản thân: sử dụng được những từ ngữ chỉ về vị trí trong không gian.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
* Nghe		
41	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản.	- Nghe hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản của cô giáo VD: Cháu hãy lấy con búp bê, để lên bàn - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe ngữ điệu thể hiện sắc thái, các giọng nói biểu cảm khác nhau.
42	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi	- Nghe hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, đồ dùng, cây, hoa quả, con vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc
43	Trẻ lắng nghe và trả lời được câu của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung câu truyện, bài thơ, truyện đọc phù hợp với độ tuổi (chương trình GDMN) - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi (chương trình GDMN) - Chơi các trò chơi dân gian có lời đồng dao.
* Nói		
44	Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm rõ các tiếng của tiếng Việt
45	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Sử dụng được các từ thông thường chỉ sự vật, hiện tượng và các hoạt động, đặc điểm của con người, con vật, cỏ cây hoa lá...
46	Trẻ sử dụng được câu đơn câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm nhu cầu về hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào?;

		Để làm gì...
47	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc đơn giản - Nói và thể hiện bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp: khi đi thăm ông bà, đi xem siêu thị, đi chơi cùng GD,...
48	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, tục ngữ, giải câu đố (theo các chủ đề trong chương trình GDMN)
49	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe có sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe - Mô tả lại sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ của người lớn
50	Trẻ bắt chước giọng của nhân vật trong truyện	- Nói và thể hiện bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Đóng vai theo lời chỉ dẫn chuyện của giáo viên - Bắt chước giọng nói các nhân vật trong truyện
51	Trẻ sử dụng các từ “Vâng, dạ, thưa gửi” trong giao tiếp. Nói đủ nghe không nói lí nhí	- Biết sử dụng các từ biểu thị của lễ phép: Vâng ạ, thưa cô.... - Nói rõ ràng, đủ nghe phù hợp với hoàn cảnh và môi trường giao tiếp.
* Làm quen với đọc, viết		
52	Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Thích xem, nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và đọc truyện. - Giữ gìn sách
53	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...) - Nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật trong truyện đã được nghe.
54	Trẻ thích vẽ, “viết” nghịch ngoạc	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc viết tiếng Việt - Tô chữ cái rỗng, trang trí, chơi các trò chơi với chữ viết hoặc chữ cái. - Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

		- Thích vẽ, viết nghệch ngoạc.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
* <i>Phát triển tình cảm</i>		
55	Trẻ nói được tên, tuổi giới tính của bản thân. Nói được những điều trẻ thích và không thích	- Tự nói về bản thân thông qua những câu hỏi gợi mở của cô: Tên, tuổi, những đặc điểm bên ngoài của bản thân, địa chỉ nhà ... - Nói được những điều bé thích và không thích: VD: thích búp bê, không thích bóng.
56	Trẻ mạnh dạn giới thiệu tên mình bằng tiếng Anh, khi được hỏi	- Giới thiệu tên mình bằng tiếng Anh - Chào hỏi, đơn giản bằng tiếng Anh
57	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động chung của lớp (hoạt động học, vui chơi, tham quan...) - Mạnh dạn tự tin trả lời rõ ràng khi được hỏi.
58	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao.	- Giúp cô chia giấy bút vẽ, thu dọn bàn ăn... - Gắng hoàn thành những công việc được giao như: lau lá cây, xếp lại đồ chơi... - <i>Thu gom rác, nhặt lá rụng, nhổ cỏ...</i>
59	Trẻ nhận ra cảm xúc, qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh, hình ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác
60	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biết biểu lộ cảm xúc của bản thân qua nét mặt, giọng nói: trò chơi; bài hát. - Hát, vận động đọc thơ thể hiện cảm xúc khác nhau
61	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- <i>Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết Bác Hồ là vị lãnh tụ đầu tiên của nước Việt Nam</i> - <i>Biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi</i>
62	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- <i>Thích nghe kể chuyện, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác</i> - <i>Kính yêu Bác Hồ</i> - <i>Nghe các làn điệu dân ca, bài hát về Bác Hồ</i> - <i>Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước</i>
* <i>Phát triển kỹ năng xã hội</i>		
	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp	- Một số quy định ở lớp và gia đình (cất, để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)

63	và gia đình.	- Yêu mến bố, mẹ, anh chị, em ruột - Biết vâng lời người lớn, quan tâm giúp đỡ bố, mẹ, cô giáo những việc vừa sức, nhường nhịn em nhỏ. - Thực hành thu dọn đồ dùng, đồ chơi sau khi chơi và xếp vào đúng nơi quy định.
64	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết hành vi đúng - sai - xấu - tốt - Biết nói lời xin lỗi khi làm sai một việc nào đó
65	Trẻ chú ý lắng nghe cô, bạn nói.	- Lắng nghe khi người khác nói - Biết chờ đến lượt
66	Trẻ cùng chơi với bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn; không tranh đồ chơi của bạn - Tham gia vào các hoạt động nhóm: Cùng trực nhật, cùng vẽ tranh, trò chơi góc
67	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ, chăm sóc con vật nuôi và cây trồng (nhổ cỏ, tưới nước cho cây) - Nghe, kể chuyện đọc thơ có nội dung về giáo dục bảo vệ môi trường
68	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt - Giữ gìn vệ sinh môi trường (không hái lá, bẻ hoa, không vứt rác bừa bãi) có thói quen bỏ rác đúng nơi quy định. - Biết cần phải trồng nhiều cây xanh, trồng rừng để bảo vệ môi trường.
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
* Phát triển nghệ thuật âm nhạc		
69	Trẻ vui sướng, vỗ tay nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các SV, HT	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật VD: ngắm nhìn các sự vật hiện tượng gần gũi: Mây, mưa, bầu trời, con vật, cây xanh, hoa lá...; nghe các âm thanh: Tiếng chim hót líu lo, tiếng mưa rơi, tiếng gõ của một số nhạc cụ, tiếng vỗ tay, tiếng dậm chân...
70	Trẻ chú ý nghe và thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Nghe đọc thơ ca dao, tục ngữ, nghe kể chuyện để cảm nhận cái đẹp trong tác phẩm văn học

	lư theo bài hát, bản nhạc. đọc thơ, đồng dao... thích nghe kể câu chuyện.	
71	Trẻ hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát (theo các chủ đề trong chương trình GDMN phù hợp với độ tuổi)
72	Trẻ vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc	- Vỗ tay theo phách, theo nhịp, vận động minh họa các bài hát, bản nhạc quen thuộc (theo các chủ đề trong chương trình GDMN phù hợp với độ tuổi) - Vận động đơn giản theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các nhạc cụ gõ đệm theo phách, nhịp
73	Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc
* <i>Phát triển nghệ thuật tạo hình</i>		
74	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm có sự gợi ý của giáo viên - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản - Sử dụng kỹ năng tô màu, hình vẽ tạo thành bức tranh hoàn thiện
75	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm TH	- Sờ nắn, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình (đường nét, hình dáng, màu sắc...)
76	Trẻ vẽ được các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Vẽ được các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản (theo mẫu, đề tài, ý thích)
	Trẻ xé theo dải, xé	- Xé giấy theo dải, xé vụn rồi dán thành sản phẩm đơn

77	vụn, theo ý thích thành sản phẩm đơn giản.	giản - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích
78	Trẻ sử dụng đất tạo ra các sản phẩm đơn giản	- Chia đất tạo sản phẩm theo ý thích - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
79	Trẻ sử dụng các khối xếp theo các cách khác nhau, tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng hình khối để xếp theo các cách khác nhau - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
80	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét...
81	Trẻ biết sử dụng các kỹ năng tạo hình bằng các cách khác nhau, tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Vẽ, nặn, xé dán tự tạo ra sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích VD: Vẽ mưa rơi, tô vẽ chùm bóng bay, nặn quả, xé dán bông hoa....
82	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình vừa tạo ra VD: Bông hoa, con gà, ô tô, mặt trời...

III. MẪU GIÁO NHỞ 4-5 TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục, chủ đề thực hiện

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Phát triển vận động		
1	Trẻ thực hiện đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào thật sâu, thở ra từ từ - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp vẫy bàn tay, mở bàn tay, gập khuỷu tay + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, sau, trên đầu); + Đánh xoay tròn 2 vai

		- Lưng, bụng, lườn: + Đứng, ngồi cúi người phía trước, ngửa người ra sau; + Đứng, ngồi quay người sang trái, sang phải; + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ, ra sau, sang bên; + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối, chân đưa lên trước khuỷu gối. + Ngồi nâng 2 chân duỗi thẳng.
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động khi đi và bước	- Bước liên tục trên ghế thể dục, hoặc vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát hoặc đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi khuyu gối, đi kiễng gót, đi bằng gót chân, đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bước dồn trước, dồn ngang
3	Trẻ kiểm soát được vận động đi và chạy	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy theo đường đích dắc (4-5 vật) - Đi chạy đổi hướng theo vật chuẩn; - Chạy chậm 60 -80m - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây - Chạy theo bóng và bắt bóng
4	Trẻ biết phối hợp tốt tay- mắt trong vận động.	- Tung bóng lên cao và bắt được 3 lần liên tục. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng được liên tục 4-5 lần liên tiếp. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m) - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (xa 2 mét)

		- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bật liên tục về phía trước (bật vào vòng liên tục) - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò trong đường đích dắc 4-5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
6	Trẻ thực hiện được các vận động của bàn tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động	- Gập giấy, tết sợi đôi - Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối, ghép hình - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình nhà, cây, người... - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây giày.
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
8	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (4 nhóm) (trên tháp dinh dưỡng) - Thịt, cá ...có nhiều chất đạm - Rau, quả chíncó nhiều vitamin - Com, phở, bún... có nhiều chất bột đường
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày	- Nhận biết các dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho.

	và dạng chế biến đơn giản.	Gạo nấu cơm, nấu cháo.
10	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..)
11	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.	- Thực hiện theo lời Bác dạy: Yêu quý và giữ gìn vệ sinh cá nhân, tập thể dục đều đặn để cơ thể phát triển khỏe mạnh, hài hòa, cân đối; - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn
12	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tập thói quen ăn văn minh không nói chuyện, không vừa nói vừa ăn, không xúc đổ cơm, thức ăn sang bát của bạn, cầm bát thìa đúng cách.
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Rèn luyện thói quen mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. - Tập ăn nhiều rau, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nước đã đun sôi
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Ích lợi của vệ sinh thân thể và vệ sinh môi trường - Trọn trang phục phù hợp thời tiết - Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời rét, đi dép, đi giày khi đi học; - Rèn luyện thói quen nói với người lớn, cô khi bị đau, sốt..... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.

		- Nhận biết ký hiệu nhà vệ sinh nam nữ, rèn thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định, rèn thói quen bỏ rác đúng nơi quy định.
15	Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và biết tránh nơi không an toàn.	- Nhận biết bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần; nhận biết những vật sắc nhọn là nguy hiểm và không nên nghịch, chơi;
16	Trẻ biết một số nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết ao hồ, sông suối, bể nước là nơi nguy hiểm không được chơi gần;
17	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn quả có hạt - Nhận biết không ăn thức ăn ôi thiu, không uống rượu bia, ăn lá, quả lạ; không tự ý uống thuốc, rèn thói quen chỉ ra khỏi lớp khi được cô giáo cho phép, không tự ý ra khỏi lớp, trường
18	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết cần phải gọi, báo người lớn khi thấy có cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Nhận biết phải gọi người giúp đỡ khi bị lạc, nhận biết tên, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố mẹ, người thân.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
a. Khám phá khoa học		
19	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng.	- Tìm hiểu về đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, mối quan hệ giữa cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi; - Tìm hiểu đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Tìm hiểu đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người. - Tìm hiểu về một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh

		hưởng của nó đến sinh hoạt con người, quan tâm đến sự biến đổi của khí hậu, cách phòng tránh...VD: Mùa hè nắng nóng, oi bức kéo dài, mùa đông lạnh giá, khắc nghiệt.... -Tìm hiểu về các nguồn nước, một số đặc điểm tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi. Lợi ích của nước đối với con người, con vật và cây; Nguyên nhân gây ô nhiễm nước, cách bảo vệ nguồn nước. - Tìm hiểu một số đặc điểm của không khí, ánh sáng, đất, đá, cát sỏi, sự cần thiết của nó với con người;
20	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ chơi, đồ dùng; - Phân loại một số thực phẩm theo nhóm - So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm ; sự khác nhau giữa các mùa trong năm
21	- Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm thử nghiệm pha màu nước. - Làm thí nghiệm sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán: VD: pha màu nước. Pha đường, muối (quan sát và dự đoán) điều gì sẽ xảy ra
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh về sự vật hiện tượng : con vật, môi trường, cây, hoa, quả, trường mầm non, các danh lam thắng cảnh... - Quan sát, nhận xét về các đối tượng: con vật, ngành nghề, cây cối, hoa quả, phương tiện giao thông, hiện tượng sự vật thiên nhiên ngày, đêm, nắng, mưa, các mùa trong năm... - Trò chuyện với cô giáo, người lớn về sự vật hiện tượng thiên nhiên, con vật, cây, ngày lễ hội, trò chuyện về Bác Hồ.

		- Học tập theo tấm gương của Bác yêu quý, chăm sóc và bảo vệ các con vật, cây cối, thiên nhiên và môi trường xung quanh, yêu quý tự hào về quê hương Điện Biên.
23	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu, phân loại nhóm thực phẩm... - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu ; - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.
24	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi	Làm một số thí nghiệm VD: cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn- - Chất hòa tan, không tan trong nước; nêu nhận xét của mình. - Làm thí nghiệm vật chìm - vật nổi trong nước - Quan sát, nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng VD: Môi trường sống con vật và cây cối; trời mưa nhiều ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của con người...
25	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Trẻ tập khám phá, trải nghiệm và chia sẻ, bày tỏ ý kiến của mình đưa ra cách thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. - Tập giải quyết một số tình huống: làm cho vấn đề đơn giản hơn...
26	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Trẻ học cách quan sát xem xét, cách nhận xét về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát: Phân biệt đặc điểm giống và khác nhau của con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng, đồ chơi, PTGT....
27	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên, khu tập thể nhà em... - Hát các bài hát về cây, con vật
b. Khám phá xã hội		
28	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản	- Trò chuyện về bản thân: nói họ tên, tuổi, giới tính, đặc

	thân khi được hỏi, trò chuyện.	điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Tự tin giới thiệu về bản thân - Nhận biết được giới tính của bản thân và các bạn
29	Trẻ biết nói họ tên, và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Trò chuyện về những người thân trong gia đình, nói họ tên, công việc của bố mẹ những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình - Trẻ yêu quý, kính trọng ông bà, cha mẹ của mình : Thừa gửi lễ phép, nghe lời, ngoan ngoãn, quan tâm, chia sẻ....xứng đáng với danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ.
30	Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được địa chỉ gia đình, số nhà, đường, tổ dân phố, phường nơi mình ở, nhớ số điện thoại của bố mẹ, người thân. - Trẻ có kỹ năng cảnh giác, không đi theo người lạ.
31	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Ghi nhớ tên, địa chỉ của trường, lớp mầm non nơi bé đang học.
32	Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tìm hiểu, ghi nhớ tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường mầm non. - Kính trọng, lễ phép với các cô giáo, các bác nấu ăn và bác bảo vệ trong trường.. thực hiện giống như 5 điều Bác dạy
33	Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tìm hiểu họ tên và một vài đặc điểm của các bạn các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. - Thực hiện theo lời dạy của Bác yêu thương, giúp đỡ bạn yếu hơn mình, vui chơi đoàn kết, yêu thương chia sẻ, giúp đỡ bạn, giữ lớp học sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp. - Khi học và chơi không quát mắng, đánh, tranh giành đồ chơi với bạn.
34	Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản	- Tìm hiểu tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa

	phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	phương.
35	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Tìm hiểu đặc điểm nổi bật, ý nghĩa của một số ngày lễ hội: Tết trung thu, ngày 20/10, ngày 20/11, ngày 8/3, ngày 22/12, ngày tết cổ truyền, ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu, ngày 7/5... - Hiểu về ý nghĩa của Hội thi “ Tôi yêu Việt Nam”, nhận biết được 1 số luật GT, cách đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.
36	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử của địa phương.	- Tìm hiểu đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước, một số di tích lịch sử ở Điện Biên : Hàm Đờ Cát, hầm Đại tướng, đồi A1, tượng đài chiến thắng, nhà bảo tàng.... - Yêu quý, tự hào về quê hương Điện Biên
c. Làm quen với toán		
37	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi; “Bao nhiêu?”. “ Là số mấy?”....	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
38	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
39	Trẻ biết sử dụng Tiếng anh để đếm các đối tượng từ 1 đến 10, nói số tuổi, đọc số điện thoại bố mẹ, số nhà.	- Đếm bằng tiếng anh trên các đối tượng: Ngón tay, số lượng bông hoa, quả..từ 1 đến 10. - Nói số tuổi của bản thân, của bạn cùng lớp bằng tiếng anh - Đọc số điện thoại của bố, mẹ bằng tiếng anh

40	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ : bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả bằng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau;
41	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả;
42	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau
43	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Sử dụng các số từ 1-5, đếm nhóm đối tượng có số lượng từ 1-5, chọn và đặt thẻ số tương ứng, sắp xếp các số theo thứ tự 1-5.
44	Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...)
45	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc (3 đối tượng) + Các loại củ, quả, cây xanh, hoa... + Các hình học - Xếp theo quy tắc cho trước hoặc trẻ tự xếp theo quy tắc nào đó(AAB, ABA, BAA...)
46	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
47	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: Hình

	hai hình	vuông, hình chữ nhật; hình tam giác, hình tròn.
48	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
49	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải- phía trái).
50	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
a. Nghe		
51	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở, câu phức - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp VD : cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ, gắn cạnh bông hoa màu vàng ; cháu hãy lấy quả bóng màu xanh để vào rổ giúp cô.
52	Trẻ hiểu được một số từ khái quát	- Nghe nhiều lần các từ khái quát : rau quả, con vật, đồ dùng đồ chơi... - Nghe, hiểu nội dung các câu truyện kể, truyện đọc phù hợp với tuổi; - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm - Nghe các bài thơ, bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
53	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Lắng nghe trao đổi, trò chuyện, hỏi, trả lời với người đối thoại; - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép

b. Nói		
54	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó; nói rõ để người nghe có thể hiểu được
55	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Tập trả lời và đặt các câu hỏi: ai ?, cái gì ?, ở đâu ?, khi nào ?, để làm gì ?, có đặc điểm gì ?,... - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
56	Trẻ biết sử dụng 1 vài từ tiếng anh đơn giản để chào hỏi, giới thiệu bản thân.	- Nói được 1 số câu chào hỏi đơn giản bằng tiếng anh : Hello, Hi, How are you ? - Giới thiệu về bản thân bằng tiếng anh: Tên, tuổi, giới tính, sở thích...
57	Trẻ biết sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định.
58	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Tập kể lại sự việc có nhiều tình tiết
59	Trẻ đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... - Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua các bài thơ, ca dao....
60	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Tập kể lại truyện đã được nghe - Thể hiện tình cảm với Bác qua những câu chuyện kể.
61	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nghe và bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện đã được nghe. - Đóng kịch
62	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự trong giao tiếp với cô giáo và các bạn Cảm ơn, xin lỗi, mời cô, mời bạn...

63	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
c. Đọc - viết		
64	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Tự chọn sách xem theo ý thích; - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau; - Giữ gìn, bảo vệ sách;
65	Trẻ mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả lại các hành động của các nhân vật trong tranh sau khi xem tranh.
66	Trẻ biết cầm sách đúng chiều, giở từng trang để xem tranh ảnh, đọc sách theo tranh minh họa.	- Rèn cách cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và đọc sách theo tranh, minh họa, đọc vệt - Hướng đọc hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
67	Trẻ nhận ra một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Nhận biết, phân biệt được nhà vệ sinh dành cho bạn gái, nhà vệ sinh dành cho bạn trai
68	Trẻ biết sử dụng một số kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt + Hướng đọc hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Nhận dạng một số chữ cái. - Tập làm vé tàu, xe, thiệp chúc mừng
4.Lĩnh vực phát triển TC&KNXH		
a. Phát triển tình cảm		

69	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ	- Tự giới thiệu tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ. - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình, giới tính của các thành viên trong gia đình.
70	Nói được những điều trẻ thích, không thích, nhưng việc gì trẻ có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Nói được những điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được. - Có kỹ năng tự chăm sóc, phục vụ nhu cầu của bản thân.
71	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Sự mạnh dạn, tự tin, tính tự lực, tự phục vụ bản thân: tự lấy đồ chơi, chọn trò chơi theo ý thích, chơi xong cất đúng nơi quy định.
72	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao như trực nhật, dọn đồ chơi.	- Có nề nếp trong các hoạt động; - Thực hiện và hoàn thành những công việc của cô, lớp giao cho : vệ sinh, trực nhật, dọn đồ chơi...
73	Trẻ nhận biết cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.
74	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình..
75	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Tìm hiểu về Bác Hồ qua tranh ảnh, Video về các hình ảnh Bác Hồ quan tâm đến thiếu niên nhi đồng, các hoạt động của Bác Hồ, hình ảnh lăng Bác Hồ, công việc, cuộc sống hàng ngày của Bác...
76	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hát và vận động các bài hát về Bác Hồ - Đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ. - Biểu lộ tình cảm của bản thân đối với Bác Hồ

		- Kính yêu Bác Hồ.
77	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, của địa phương.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước, các di tích lịch sử ở tỉnh Điện Biên. - Thăm quan một số di tích lịch sử ở Điện Biên.
b. Phát triển kĩ năng xã hội		
78	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Rèn nếp cất đồ chơi vào nơi quy định sau khi chơi; vâng lời ông bà, bố mẹ, người lớn. - Quan tâm giúp đỡ bạn bè; - Trật tự khi ngủ, văn minh trong giờ ăn ; - Biết dọn dẹp giữ gìn nhà cửa, lớp sạch sẽ ; - Đi bên phải lề đường.
79	Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nói lời cảm ơn khi được nhận quà, khi được giúp đỡ, xin lỗi, nhận lỗi khi có lỗi.
80	Trẻ chú ý lắng nghe khi cô và bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói văn minh lịch sự, cử chỉ lễ phép, có hành vi ứng xử với cô, với bạn.
81	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Rèn luyện sự nhẫn nại, chờ đến lượt, hợp tác với bạn khi chơi, trong mọi hoạt động.
82	Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Chơi cùng bạn trong các nhóm chơi, thỏa thuận, với bạn chơi phân vai, phân công nhiệm vụ từng người trong nhóm chơi - Trực nhật, lau chùi bàn ghế, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi
83	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Tham gia các hoạt động chăm sóc, tưới cây, nhặt cỏ rác, - Chăm sóc các con vật quen thuộc, yêu quý con vật nuôi
84	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Phân biệt hành vi đúng : bỏ rác vào thùng; hành vi sai bỏ rác bừa bãi không đúng quy định.

85	Trẻ không bẻ cành ngắt hoa.	- Phân biệt hành vi đúng : chăm sóc cây, tưới cây...không bẻ cành ngắt hoa ; hành vi sai leo trèo cây, bẻ cành bứt hoa
86	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Thực hiện lấy đủ nước uống, vặn nhỏ vòi nước khi rửa tay, biết tắt, điện, nhắc nhở mọi người tắt điện, quạt tivi khi không dùng, khi ra khỏi phòng.
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
87	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc phù hợp; - Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên; vườn hoa, cây cảnh, cảnh vật thiên nhiên, danh lam thắng cảnh; - Xem các tác phẩm nghệ thuật qua tranh ảnh, để cảm nhận vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật.
88	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc ; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Trẻ chú ý, hưởng ứng theo nhịp điệu bài hát: nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng với Bác Hồ qua các bài hát, bài thơ, câu chuyện, ca dao, tục ngữ....
89	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
90	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét	- Thuộc lời ca, hát đúng giai điệu và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

	mặt, điệu bộ.	
91	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu. - Trẻ tự lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc, lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm bài hát
92	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm - Thực hiện các hoạt động : vẽ, nặn, xé, dán, ghép (đất nặn, len, màu, giấy, các vật liệu sưu tầm từ thiên nhiên, đồ phế thải...)
93	Trẻ biết phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Kỹ năng vẽ bằng các nét thẳng, ngang, xiên, cong...tô màu tạo ra bức tranh có màu sắc bố cục cân đối hài hòa
94	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	- Tập sử dụng kéo rèn kĩ năng xé, cắt, dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
95	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Có các kỹ năng bóp đất, xoay tròn ấn bẹt, bẻ loe... nặn các con vật, đồ vật theo mẫu, theo ý thích, theo đề tài để tạo ra các sản phẩm có nhiều chi tiết.
96	Trẻ biết phối kết hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu, vỏ hộp, đồ chơi để xếp, ghép hình tạo ra sản phẩm theo ý thích.
97	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục. - Nói lên được ý tưởng tạo hình của mình, tự đặt tên sản phẩm

		phẩm.
98	- Trẻ lựa chọn và tự , thể hiện các hình thức vận động theo nhạc, lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn và thể hiện các hình thức vận động theo bài hát bản nhạc ; - Sử dụng các dụng cụ để gõ đệm, theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát
99	Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình, mình định làm gì và làm như thế nào, tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm .
100	Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tập đặt tên cho sản phẩm tạo hình sau khi hoàn thành.

IV. MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục, chủ đề thực hiện

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
TT	Mục tiêu	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
* Phát triển vận động:		
1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác phát triển hô hấp và các nhóm cơ, bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra + Thổi nơ, thổi bóng bay, gà gáy sáng... - Tay: + Đưa tay ra phía trước, sau (chân rộng ngang vai) + Đưa tay ra trước sang ngang (chân rộng ngang vai) + Đánh xoay tròn hai cánh tay (chân đứng thẳng) + Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau (đứng thẳng) + Luân phiên từng tay đưa lên cao (chân rộng bằng vai) + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, lườn, bụng: + Đứng cúi người về trước (hai chân rộng bằng vai) + Đứng quay người sang bên (đứng thẳng)

		+ Nghiêng người sang bên (đứng thẳng) + Cúi về trước, ngửa người ra sau kết hợp 2 tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải sang trái - Chân: + Nâng cao chân, gập gối + Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa ra phía sau. + Nhảy tách, khép chân + Nhảy lên đưa 1 chân về trước, 1 chân về sau
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện VĐ	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi trên ván kê dốc (2m x 0,3m, 1 đầu kê cao 0,3m) - Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40 - 50 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (40 - 45 cm) - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15 - 20cm - Nhảy lò cò 5 m-
3	- Trẻ kiểm soát được vận động: đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (ít nhất 3 lần)	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy theo đường đích dắc - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 120-150m
4	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập và bắt bóng tại chỗ - Đi, đập bắt bóng nảy 4-5 lần liên tục) - Ném xa bằng 1tay, 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m) - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân
	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp	- Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu - Bò chui qua cổng, ống dài 1,5m x 0,6m - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4 - 5m - Bò theo đường đích dắc qua 7 điểm

5		- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang từng chân một
6	- Trẻ thực hiện được các VĐ của tay	- Uấn ngón tay, bàn tay - Gập mở lần lượt từng ngón tay - Cuộn, xoay tròn cổ tay
7	- Trẻ phối hợp được cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt trong 1 số hoạt động.	- Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số còn thiếu... - Cắt, xé được theo đường viền của hình vẽ, đường vòng cung - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya) - Lắp ráp các hình, luồn, buộc dây - Bê nắn, lắp ráp các hình
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
8	- Trẻ lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên nhóm	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt lợn, cá, tôm, cua... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau xanh, củ, quả.... - Thực phẩm giàu chất béo: Mỡ, dầu, lạc, vừng... - Thực phẩm giàu chất bột đường: Gạo, ngô, khoai....
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Nói được tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo... - Nguồn gốc thực phẩm từ động vật hay thực vật, các thực phẩm khác nhau về màu sắc, kích thước, mùi vị...
10	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi có lợi cho sức khỏe	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi để khỏe mạnh; Biết uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt không có lợi cho sức khỏe - Nhận biết sự liên quan ăn uống đến bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, SDD, béo phì)
	- Trẻ thực hiện được 1 số việc đơn giản, tự	- Nhận biết ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh MT, cá nhân - Tự luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn,

11	phục vụ bản thân theo quy định	sau khi đi vệ sinh, mỗi khi tay bẩn. kỹ năng đánh răng, lau mặt - Tự lau mặt, đánh răng, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch
12	- Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn, uống thành thạo	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo: bát, thìa... - Có kỹ năng sinh hoạt cho phù hợp với thiên tai (ăn uống, vệ sinh).
13	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Mời cô và các bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
14	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sau khi ngủ dậy - Ra nắng đội mũ: đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Che miệng khi ho, hắt hơi - Có kỹ năng phòng chống khi có dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh Covid -19 (đeo khẩu trang, dẫn cách, rửa tay, không tụ tập đông người) - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp
15	- Trẻ biết một số vật dụng nguy hiểm, gọi được tên, nói được mỗi nguy hiểm đó	- Biết bàn là, bếp điện, lò vi sóng, phích nóng.... Là những vật nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn - Có một số kỹ năng tự bảo vệ bản thân
16	- Trẻ biết những nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn: Hồ, ao, giếng, bụi rậm.... - Biết được khi đến gần hoặc chơi ở gần sẽ bị ngã xuống ao, hồ, giếng....rất nguy hiểm
17	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... - Biết không tự ý uống thuốc - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu, bia, thuốc lá không tốt cho sức khỏe
	- Trẻ nhận biết được	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có

18	một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	bạn/ người khác rơi xuống nước, chảy máu... - Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi + Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi không được sự cho phép của người lớn/ cô giáo + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ
19	- Trẻ thực hiện 1 số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi - Có kỹ năng phòng chống dịch bệnh Covid -19 (đeo khẩu trang, dẫn cách, không tụ tập đông người) - Đi bộ trên hè - Đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi sau xe máy - Không leo trèo cây, ban công, tường rào

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

* Khám phá khoa học

20	- Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh và đặt câu các câu hỏi về sự vật, hiện tượng: tại sao? như thế nào?	- Tìm hiểu về đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, mối quan hệ giữa cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi; - Tìm hiểu đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Tìm hiểu về một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Hiểu và giải thích được một số đặc trưng, dấu hiệu, biểu hiện cơ bản của mỗi loại thiên tai.
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng, đặc điểm của đối tượng	- Biết được chức năng chính của các bộ phận, giác quan trên cơ thể - Tìm hiểu đặc điểm, lợi ích và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối - Tìm hiểu về các nguồn nước trong môi trường sống, - Một số đặc điểm tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi. Ích lợi của nước đối với con người, con vật và cây; - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống

22	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	- So sánh sự giống nhau, khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự giống nhau, khác nhau của một số con vật, cây, quả, hoa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Làm thử nghiệm gieo, trồng và quan sát quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của cây, con vật - Có kĩ năng xác định, dự đoán sự thay đổi của từng loại thiên tai qua việc quan sát. - Kĩ năng bảo vệ môi trường phù hợp: sử dụng tiết kiệm năng lượng, - Cho trẻ chơi thử nghiệm với cát, nước, vật chìm vật nổi
23	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem tranh, ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Xem sách, tranh ảnh về sự vật hiện tượng: Con người, con vật, môi trường, cây, hoa, quả, trường mầm non, các danh lam thắng cảnh... - Xem vi deo, clip về sự phát triển của cây, hoa, quả, sự phát triển của các con vật, đẻ trứng, đẻ con...; các hiện tượng thời tiết, ánh sáng, thiên tai và cách phòng tránh - Trò chuyện về bản thân, gia đình (tên, nghề nghiệp, công việc thường làm, sở thích, nhu cầu, ngày lễ hội....mà trẻ biết
24	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu: màu sắc, kích thước, hình dạng, vận động, môi trường sống...
25	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng	- Quan sát nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng - Biết phán đoán, suy luận, giải thích về các hiện tượng trước và sau khi xảy ra: trời sắp mưa to, mưa đá, gió, giông, sét... - Cho trẻ chơi thí nghiệm sự bốc hơi của nước
26	- Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Khám phá, trải nghiệm và chia sẻ, bày tỏ ý kiến của mình đưa ra cách giải thích hợp lý để giải quyết vấn đề đơn giản. (Tại sao nước lại bốc hơi, tại sao cốc nước lại tràn, tại sao lại nhìn thấy vật trong cốc nước...)

27	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Biết so sánh về độ cao thấp, béo, gầy của bản thân trẻ, so sánh sự khác nhau về da, tay bẩn, tay sạch.. - Biết so sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số con vật, cây, hoa quả - Đặc điểm của nước sạch nước bẩn...
28	- Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên, khu tập thể nhà em... - Hát, múa các bài hát về bản thân, cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn, ghép hình....cây cối, con vật, hiện tượng thiên nhiên - Chơi các trò chơi, các tình huống để trẻ trải nghiệm, tìm hiểu về bản thân: cân, đo chiều cao của mình, của bạn, tìm hiểu về sở thích của mình của bạn, nhu cầu của gia đình, chơi với cát, đóng nước...
* Khám phá xã hội		
29	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Nói đầy đủ họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình - Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường. - Thực hiện công việc bình đẳng, không phân biệt giới, giới tính
30	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Nói được tên các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn), nhu cầu của gia đình, - Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế BDKH. - Quan tâm yêu thương giúp đỡ những người gần gũi (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị em...)
31	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình khi được hỏi trò chuyện	- Nói được địa chỉ của gia đình, số nhà, tổ dân phố, phường, số điện thoại của bố, mẹ, ông, bà... - Một số hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.
	- Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả 1 số đặc điểm	- Nói tên trường, địa điểm nổi bật của trường, đồ dùng, đồ

32	nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	chơi, các khu vực của nhà trường, nhà trường gần khu vực nào...
33	- Trẻ nói tên công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Kể tên công việc của cô giáo và các cô bác trong trường mầm non - Gọi tên, công việc của bác bảo vệ, các bác cấp dưỡng, cô y tế... - Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.
34	- Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Nói đầy đủ họ tên bạn, đặc điểm, sở thích, khả năng của bạn trong lớp - Nắm được các hoạt động trong ngày của trẻ ở trường - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học
35	- Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề.	- Kể tên một số nghề phổ biến và nghề truyền thống của địa phương: tên gọi, công việc, dụng cụ lao động, sản phẩm và ích lợi của nghề VD: nghề nông làm ra lúa, nghề xây dựng xây lên những ngôi nhà mới... - Biết vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ văn hóa xã hội. - Đọc thơ, kể chuyện, đồng dao, ca dao, câu đố về các nghề có liên quan - Làm sách, tranh về các nghề và kể chuyện về các nghề đó
36	- Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội đó	- Kể tên một số ngày lễ, hội trong năm như: Ngày hội khai trường, ngày lễ Quốc khánh 2/9, tết cổ truyền, tết trung thu, ngày lễ 8/3, ngày 20/11, ngày 19/5 kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ - Làm sách về các lễ hội: tết nguyên đán, trung thu...
37	- Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Tên gọi đặc điểm nổi bật một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương: Đồi A1, bảo tàng chiến thắng, hầm Đờ cát, đền Hoàng Công Chất, hồ Pa Khoang... - Làm sách về các di tích lịch sử, danh lam ..., vẽ về cảnh đẹp của quê hương - Tổ chức đi tham quan một số di tích lịch sử ở địa phương, kể tên trò chuyện về các danh lam, di tích lịch sử đó

		- Thăm quan qua màn ảnh nhỏ về một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử nổi tiếng của quê hương đất nước; Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa danh gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc, nơi tưởng niệm Bác...)
* Làm quen với 1 số khái niệm sơ đẳng về toán		
38	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi:	- Đếm và nhận biết số lượng: - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
39	- Trẻ biết sử dụng tiếng Anh để gọi tên các số tự nhiên trong phạm vi 10	- Biết sử dụng tiếng Anh để gọi tên các số từ 1-10 theo thứ tự và ngược lại: One, Two, Three, Four... - Biết sử dụng các từ chỉ thời gian bằng tiếng Anh: sáng, trưa, chiều, tối
40	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trong phạm vi 10 (có đối tượng) và đếm theo khả năng. - Đếm theo các hướng khác nhau. - Đếm thông qua các giác quan.
41	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	- So sánh 2 nhóm bằng cách xếp tương ứng 1-1 - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 nói được kết quả (bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất) - Tạo nhóm đối tượng mới
42	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm
43	- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau - Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
44	- Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	- Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự
45	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe; số 111 tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em; số 112 tìm kiếm cứu nạn, 113 công an, 114 cứu hỏa, 115 cứu thương.

		- Biết các con số biểu thị cho số lượng, các nhóm đồ vật, đồ dùng ...
46	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan VD: bát – thìa; thỏ - cà rốt; đôi dép, đôi găng tay...
47	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (Mẫu) và sao chép lại	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.VD: mẫu hoặc sao chép lại CCA - AAB - BBA
48	- Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp mới VD: mẫu của cô AAB – BBA - ABA...trẻ sáng tạo BAA – BAB – ABB ...
49	- Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo, đong, so sánh và nói kết quả	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
50	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu, khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. VD: viên gạch, hộp quà, bóng thể dục... - Chắp ghép các khối, các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình, hình học bằng các cách khác nhau.
51	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	- Xác định vị trí của đồ vật (Phía phải – phía trái; trước-sau; trên – dưới) so với bản thân trẻ, so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Sử dụng lời nói hoặc hành động chỉ vị trí đồ vật so với vật làm chuẩn.
52	- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Gọi tên các thứ trong tuần theo thứ tự (thứ 2 -> chủ nhật) ngày đầu tuần, ngày cuối tuần - Biết ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai - Biết các mùa trong năm.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
* Nghe		
53	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	- Trẻ hiểu và làm được theo 2-3 yêu cầu liên tiếp - Nghe được các câu nói có ngữ điệu khác nhau khi yêu cầu trẻ làm 1 việc gì đó

		- Trò chuyện với trẻ thường xuyên mọi lúc mọi nơi. ... VD: Các bạn nam đứng sang phía tay trái của cô, các bạn nữ đứng sang phía tay phải của cô
54	- Trẻ nghe, hiểu và trả lời được một yêu cầu đơn giản của cô bằng tiếng Anh	- Nghe hiểu và trả lời được một yêu cầu đơn giản của cô bằng tiếng Anh (tên, tuổi, lớp...)
55	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa VD: Đồ dùng để uống; trẻ chọn ca, cốc, chén, phích... - Hiểu nghĩa từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng, đồ gia đình... - Thực hiện lựa chọn các vật theo nhóm VD: Chọn nhóm rau ăn lá: cải canh, bắp cải, rau ngót, cải thảo...
56	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Chú ý lắng nghe người khác nói bằng cách nhìn vào mắt người nói, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt của người nói - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
* Nói		
57	- Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và thanh điệu - Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể lại sự việc theo trình tự
58	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc trong giao tiếp - Sử dụng đúng danh từ, động từ, tính từ, từ biểu cảm trong giao tiếp VD: Bức tranh cảnh thác nước này tuyệt đẹp; Bầu trời xanh cao đẹp quá
59	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh	- Biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh; Tại sao?; có gì giống nhau? Có gì khác nhau?; do đâu mà có?... - Đặt câu hỏi: tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì? - Dùng câu hỏi nhận biết, câu khẳng định, phủ định, câu mệnh lệnh, câu giải thích, câu phán đoán, suy luận
	- Trẻ miêu tả sự việc với 1 số thông tin của nhân vật	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp. - Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách,

60		trạng thái...của nhân vật.
61	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	- Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi
62	- Trẻ biết kể có thay đổi 1 vài tình tiết trong nội dung truyện	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện... trong nội dung truyện
63	- Trẻ biết đóng vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch - Đóng các vai của nhân vật trong truyện
64	- Trẻ biết sử dụng các từ, tiếng phù hợp với tình huống	- Sử dụng lời nói lễ phép với người lớn tuổi chào hỏi, vâng, dạ, xin lỗi, cảm ơn phù hợp với tình huống VD: Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ; xin lỗi khi làm sai một việc nào đó. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Không nói tục, chửi bậy
65	-Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp VD: Hỏi lại, nhăn mặt, cau mày...khi không hiểu người khác nói - Dùng câu hỏi, hỏi lại để làm rõ một vấn đề nào đó VD: Tại sao khi vớt cá lên khỏi nước cá lại chết.
* <i>Làm quen với đọc - viết</i>		
66	- Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem	- Chọn sách có hình ảnh sinh động phù hợp lứa tuổi - Xem các loại sách, tranh khác nhau - Sách có bìa cứng không bị quăn nát - Sách, truyện tranh chủ yếu là chữ in thường
67	- Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Xem sách, kể chuyện theo tranh minh họa nội dung câu chuyện - Kể chuyện theo kinh nghiệm của bản thân
68	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, trên xuống dưới, đầu sách đến cuối sách	- Đọc sách theo hướng từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, ngắt nghỉ sau các dấu câu - Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc của sách. - Mở sách đọc lần lượt từng trang một, không mở cách - Giữ gìn sách, khi sử dụng xong cất sách đúng nơi quy

		định
69	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường	- Nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...
70	- Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt	- Nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt - Nhận dạng các kiểu viết 29 chữ cái - Phân biệt chữ cái, chữ số
71	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình. - Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Nhận ra tên mình trên bảng ký hiệu, đồ dùng cá nhân, bài tạo hình... - Ke, cắt dán, tô, đồ, xếp các nét chữ cái tiếng Việt. - Hướng viết của các nét chữ cái
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
72	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên những người thân trong gia đình, địa chỉ hoặc số điện thoại của gia đình
73	- Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc bé làm được và không làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân, nói lên điều bé thích và không thích, những điều bé làm được và không làm được.
74	- Trẻ nói được đặc điểm về mình, so sánh sự giống, khác nhau với các bạn, nói được sở thích và khả năng của mình của bạn.	- Nói được điểm giống và khác nhau của bản thân mình với người khác - Nhận ra những đặc điểm nổi bật của mình so với bạn khác VD: Giới tính, dáng vẻ bên ngoài, ăn mặc, sở thích... - Nói được khả năng sở thích của bản thân, của những người thân trong gia đình và bạn cùng lớp - Mẹ thích nấu ăn. Bố thích xem bóng đá - Bạn An thích chơi với ô tô, thích ăn kẹo mút...

75	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình	- Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình - Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học
76	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp và lau chùi thu dọn đồ dùng, đồ chơi khi chơi xong) - Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép - Quan tâm, yêu thương, giúp đỡ những người gần gũi (ông bà, bố mẹ, anh chị em trong gia đình, cô giáo bạn bè ở lớp)
77	- Trẻ tự làm 1 số việc đơn giản hàng ngày	- Lao động tự phục vụ (VS cá nhân) - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
78	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	- Thực hiện công việc được giao một cách vui vẻ (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi..) - Cố gắng thực hiện công việc đến cùng
79	- Trẻ nhận biết được 1 số trạng thái cảm xúc	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua tranh ảnh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác, qua tranh ảnh, âm nhạc
80	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng, sai, tốt, xấu
81	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình - Biết quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn trong lớp - Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.
82	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với một số hoạt động của Bác Hồ: (chỗ ở, nơi làm việc, nơi tưởng niệm của Bác)
83	- Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, kể chuyện cùng cô	- Kính yêu Bác Hồ - Thể hiện tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, kể chuyện cùng cô về Bác
	- Trẻ biết 1 vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ	- Quan tâm đến một số di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước một số truyền thống văn hóa: trang

84	hội và nét truyền thống văn hóa của địa phương, quê hương	phục, món ăn của địa phương, của quê hương, đất nước
85	- Trẻ thực hiện được 1 số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	- Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường, không làm ồn nơi công cộng) - Biết chờ đến lượt
86	- Trẻ biết nói cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Biết chào hỏi, xưng hô lễ phép với mọi người xung quanh - Nói lời cảm ơn khi được người khác giúp đỡ - Xin lỗi khi mình làm sai
87	- Trẻ chú ý khi cô, bạn nói không ngắt lời người khác	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói lễ phép lịch sự. Không ngắt lời người khác khi nói chuyện
88	- Trẻ biết chờ đến lượt	- Chờ đến lượt, tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
89	- Trẻ biết lắng nghe, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	- Biết lắng nghe, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn, chơi đoàn kết với bạn bè
90	- Trẻ tìm cách để giải quyết mâu thuẫn	- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)
91	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Có ý thức vệ sinh và bảo vệ môi trường: Không vứt rác ra lớp, sân trường, nơi công cộng...
92	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường	- Bảo vệ, chăm sóc vật nuôi và cây cối - Nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (thích trồng cây xanh, không vứt rác bừa bãi, không bẻ cành, ngắt hoa...)
93	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt	- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày - Tắt điện, quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
* Phát triển nghệ thuật âm nhạc		
	- Trẻ biết tán thưởng,	- Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các

94	tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm	bài hát bản nhạc - Nghe và nhận ra sắc thái (vui buồn, tình cảm tha thiết) của các bản nhạc
95	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc	- Chăm chú nghe nhạc và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc: - Nghe nhận ra thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện
96	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát	- Hát đúng giai điệu, lời ca, và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua ánh mắt cử chỉ, nét mặt. - Nghe nhận ra sắc thái (vui buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc
97	- Trẻ hát được một số bài hát bằng tiếng Anh	- Hát được một số bài hát đơn giản bằng tiếng Anh
98	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc bài hát với các hình thức	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện nét mặt, ánh mắt, điệu bộ qua động tác minh họa phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu, - Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa...
99	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích (vỗ tay, gõ xác xô, gõ trống, song loan, múa minh họa...)
100	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Lựa chọn các dụng cụ phù hợp để gõ đệm cho bài hát, bản nhạc (theo phách, nhịp, tiết tấu...)
* Phát triển nghệ thuật tạo hình		
101	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình qua các tác phẩm tạo hình	- Thích thú trước cái đẹp, thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên trong cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật đẹp
	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm - Sử dụng từ 2-3 vật liệu để làm ra một sản phẩm VD: làm

102	thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	một em búp bê (Hộp làm khuôn mặt, hạt dẻ làm mắt, mồm mũi, bông rơm, len làm tóc)
103	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa cân đối	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có kích thước, bố cục, đường nét khác nhau - Tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ - Cách ngồi, cầm bút đúng tư thế
104	- Trẻ phối hợp kỹ năng cắt, xé, dán, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Cắt, xé, dán, theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản - Cầm kéo đúng cách khi cắt - Kỹ năng cắt rời hình, không bị rách - Phối hợp các kỹ năng cắt xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục
105	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối đẹp mắt
106	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục, cân đối	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục - Kỹ năng sắp xếp các hình cắt cho cân đối bức tranh - Kỹ năng bôi hồ đều mặt trái hình, dán hình đúng vị trí đã sắp xếp, không làm nhăn, rách hình
107	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	- Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn về hình dáng, đường nét, màu sắc và bố cục.
108	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Trẻ nói lên suy nghĩ, sáng tạo của bản thân thích vẽ / nặn/ xếp/ xé dán gì và cố gắng thực hiện ý tưởng đó - Tự nói lên ý tưởng tạo hình của mình và tạo ra các sản phẩm theo ý thích
109	- Trẻ biết đặt tên cho	- Đặt tên cho sản phẩm của mình VD: Những con vật ngộ

	sản phẩm tạo hình	ngữ hình
--	-------------------	----------

C. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Chương trình giáo dục của nhà trường, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ (năm, tháng/chủ đề, tuần, ngày) phù hợp với tình hình của nhóm/lớp và khả năng của cá nhân trẻ trong lớp.

Nhận được kế hoạch này yêu cầu tổ khối, giáo viên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Cán bộ quản lý, giáo viên;
- Công khai tại bảng kế hoạch trường;
- Lưu HSCM.

HIỆU TRƯỞNG

Lò Thị Kim Thông